

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
BỆNH VIỆN CHUYÊN KHOA
27 THÁNG 2 TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38/TB-BVCK27/2

Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc xác định giá các mặt hàng mua sắm trực tiếp tại bệnh viện

Kính gửi: **QUÝ CÔNG TY**

Hiện tại, Bệnh viện chuyên khoa 27 tháng 2 tỉnh Sóc Trăng đang có nhu cầu mua sắm trực tiếp thuốc để phục vụ cho khám chữa bệnh của bệnh viện.

Bệnh viện có tham khảo giá trúng thầu theo Quyết định 124/QĐ-BVCK27/2 ngày 28/10/2024 của Giám Đốc Bệnh viện chuyên khoa 27 tháng 2 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu số 1: Gói thầu thuốc generic 256 mặt hàng và Quyết định 118/QĐ-BVCK27/2 ngày 07/10/2024 của Giám Đốc Bệnh viện chuyên khoa 27 tháng 2 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói số 2: Gói thầu thuốc được liệu, thuốc có kết hợp được chất với các được liệu, thuốc cổ truyền 03 mặt hàng (đính kèm phụ lục 1).

Nay bệnh viện gửi thông báo này nhờ Quý công ty xác định giá các mặt hàng trong phụ lục 1 có phù hợp với thị trường hiện tại hay không và Quý công ty có đồng ý bán theo giá đã nêu tại phụ lục 1.

Kính nhờ Quý công ty phúc đáp văn bản theo mẫu phụ lục 2 về bệnh viện theo thông tin như sau:

1. Đơn vị: Bệnh viện chuyên khoa 27 tháng 2 tỉnh Sóc Trăng.
2. Cách thức tiếp nhận:
 - Nhận trực tiếp tại Khoa Dược – VTTTBYT, Bệnh viện chuyên khoa 27 tháng 2 tỉnh Sóc Trăng.
 - Địa chỉ: 504 Lê Hồng Phong, phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ.
 - SĐT: 02993.823785
3. Thời hạn tiếp nhận: từ ngày ra thông báo đến hết ngày 18 tháng 8 năm 2025.

Chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD



BSCKII. Hồ Quang Hồng

PHỤ LỤC 1

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDCLH hoặc GPNK	Cơ sở xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên Nhà thầu
1	Gelaphos	Gel nhôm phosphat	20%/ 12,38g	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói, 26 gói 20g	Nhóm 4	24 tháng	89311014824	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Gói	260	995	199.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
2	Galagi 8	Galantamin (dưới dạng Galantamin hydrobromid)	8mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110258123	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	19.500	4.893	95.413.500	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
3	Zolisetam 500	Levetiracetam	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34647-20	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	65.000	1.155	75.075.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
4	Olanapim	Olanzapin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110258923	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	351.000	214	75.114.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
5	Agicetam 800	Piracetam	800mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110429124	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	780.000	384	299.520.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
6	Agirenyl	Retinyl acetat	5.000IU	Uống	Viên nang	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-14666-11	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	195.000	250	48.750.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
7	Agiv-vitac	Acid ascorbic	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	24 tháng	893110380524 (VD-24705-16)	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	32.500	150	4.875.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
8	Atrín 10	Ebastin	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	24 tháng	89311014824 (VD-26755-17)	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Viên	6.500	525	3.412.500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ATIPHARM
9	Afusic	Acid Fusidic	2%, 15g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 15gam	Nhóm 4	36 tháng	893110000923	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Tuýp	780	35.500	27.690.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ATIPHARM
10	A.T Zinc	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	10mg	Uống	Viên nén phân tán	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	24 tháng	893110702824 (VD-24740-16)	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Viên	156.000	128	19.968.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ATIPHARM
11	Antivic 75	Pregabalin	75mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	24 tháng	893110277023	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Viên	1.900	525	997.500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ATIPHARM
12	Opemiro 15	Mirtazapin	15mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-27976-17	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Việt Nam	Viên	26.000	3.950	102.700.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BINH BO
13	Olanzap 10	Olanzapin	10mg	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-27043-17	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	104.000	1.050	109.200.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BINH BO
14	Quetoz-200	Quetiapin	200mg	Uống	Viên nén	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-19667-13	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	130.000	4.650	604.500.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BINH BO
15	Molpadia 250 mg/25 mg	Levodopa + carbidopa	250mg+25mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	24 tháng	893110450223	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	Viên	39.000	3.234	126.126.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CÁT LÂM
16	SaviProlol Plus HCT 2,5/6,25	Bisoprolol fumarat; Hydrochlorothiazid	2,5mg; 6,25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên (ví nhóm - nhóm)	Nhóm 2	36 tháng	VD-20813-14	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	1.300	2.200	2.860.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPCI
17	Epilona DR	Natri valproat	500mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893114258824	Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera	Việt Nam	Viên	325.000	2.500	812.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPCI
	Carisl 90mg	Silymarin	90mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 6 viên	Nhóm 1	36 tháng	VN-22116-19	Sopharma AD	Bulgaria	Viên	2.600	3.528	7.056.000	CÔNG TY TNHH ĐẠI BẮC - MIỀN NAM
17	Rupafin	Rupatadin (dưới dạng Rupatadine fumarate)	10mg	Uống	Viên nén	Hộp/ 1 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	840110076423 (VN-19193-15)	Noucor Health, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	13.000	6.500	84.500.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐÀ NẴNG THANH
18	Lepigán 25	Clozapin	25 mg	Uống	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	VD-22741-15	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	39.000	1.850	72.150.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
19	Zodolan	Midazolam (dưới dạng Midazolam HCl 5,56mg)	5mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Nhóm 4	36 tháng	893112265523	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Ống	20	15.750	315.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
20	Olanxol	Olanzapin	10 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	36 tháng	893110094623	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	130.000	2.457	319.410.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
21	Phenytolín 100 mg	Phenytoin	100 mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 lọ x 100 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-23443-15	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	195.000	300	58.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
22	Dalektine	Natri valproat	200 mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 4 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	893114872324 (VD-32762-19)	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	130.000	1.890	245.700.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhiệm vụ thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên Nhà thầu
23	Heridone	Risperidon	3mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110839624 (VD-32451-19)	Cy TNHH Sinh Dược Phẩm Hera	Việt Nam	Viên	78.000	3.150	245.700.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC ANH
24	Psocabet	Calcipotriol + betamethason dipropionat	0,75mg+7,5mg/15g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	Hộp 1 tuýp 15g	Nhóm 4	24 tháng	VD-29755-18	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Tuýp	390	150.000	58.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO
25	Befucid	Fusidic acid + betamethason	2%+0,1%/15g (20mg+1mg/15g)	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp x 15g	Nhóm 4	36 tháng	8931108400424 (VD-29275-18)	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Việt Nam	Tuýp	1.040	38.495	40.034.800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO
26	PHILOCLEX	Tobramycin + dexamethason	(15mg+5mg)/5ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhóm 2	24 tháng	880110032923 (VN-19518-15)	Hanlim Pharm. Co., Ltd.	Hàn Quốc	lọ	3.200	32.490	103.968.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO
27	A.T Urea 20%	Urea	20%/20g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 20g	Nhóm 4	36 tháng	VD-33398-19	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Tuýp	3.200	53.991	172.771.200	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO
28	Phineuron	Vitamin B1 + B6 + B12	250mg+250mg+1000mcg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110854124 (VD-31272-18)	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh	Việt Nam	Viên	32.500	1.950	63.375.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO
29	ACRITEL-10	Levocetirizin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	VD-28899-18	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	13.000	2.990	38.870.000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
30	SYNDOPA 275	Levodopa + Carbidopa (dưới dạng carbidopa anhydrous)	250 mg + 26,855 mg (dưới dạng Carbidopa anhydrous 25mg)	Uống	Viên nén	Hộp 5 vi x 10 viên	Nhóm 5	48 tháng	VN-22686-20	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	India	Viên	6.500	3.150	20.475.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
31	Cravit 1.5%	Levofloxacin hydrat	75mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhóm 1	36 tháng	VN-20214-16	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật	Lọ	5.200	115.999	603.194.800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
32	Sanlein 0.3	Natri hyaluronat tinh khiết	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 Lọ x 5ml	Nhóm 1	36 tháng	VN-19343-15	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật	Lọ	2.600	126.000	327.600.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
33	OLEANZ RAPITAB 5	Olanzapine	5mg	Ngậm	Viên nén rã trong miệng	Hộp 5 vi x 10 viên	Nhóm 2	24 tháng	VN-22794-21	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	India	Viên	65.000	1.140	74.100.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
	Taflofan	Tafloprost	0,0375mg/2,5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 2,5ml	Nhóm 1	36 tháng	VN-20088-16	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Shiga	Nhật	Lọ	650	244.799	122.399.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
34	Mydrin-P	Tropicamid + Phenylephrin hydroclorid	50mg/10ml + 50mg/10ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 10ml	Nhóm 1	30 tháng	499110415423	Santen Pharmaceutical Co., Ltd., Nhà máy Shiga	Nhật	Lọ	60	67.500	4.050.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
35	ENCORATE	Natri Valproate	200mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VN-16379-13	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	India	Viên	195.000	500	97.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
36	AlphaDHG	Chymotrypsin (tương đương 4200 USP unit)	21 microkaal	Uống	viên nén	hộp 2 vi x 10 viên	Nhiệm 2	24 tháng	893110844424 (VD-20546-14)	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	26.000	780	20.280.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
37	Davita bone sugar free	Calcii (dưới dạng Calcii carbonat) + Vitamin D3 (dưới dạng Dry Vitamin D3 100 GFP)	600mg + 400IU	Uống	viên nén sủi bọt	hộp 1 tuýp x 10 viên	Nhiệm 4	36 tháng	VD-21556-14	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	260	1.380	358.800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
38	Celesti 200	Celecoxib	200mg	Uống	viên nang cứng	hộp 2 vi x 10 viên	Nhiệm 3	36 tháng	893110268423	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	6.500	3.570	23.205.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
39	Glumeform 1000 XR	Metformin hydroclorid	1000mg	Uống	viên nén giải phóng kéo dài	hộp 3 vi x 10 viên	Nhiệm 3	36 tháng	VD-35537-22	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	26.000	1.250	32.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
40	Glumeform 1000 XR	Metformin hydroclorid	1000mg	Uống	viên nén giải phóng kéo dài	hộp 3 vi x 10 viên	Nhiệm 4	36 tháng	VD-35537-22	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	65.000	1.250	81.250.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
42	Ringer lactate	Natri clorid 3g; Kali clorid 0,2g; Natri lactat 1,6g; Calci clorid 2H2O 0,135g	(3g+0,2g+1,6g+0,135g)/ 500ml	Triêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Nhiệm 4	36 tháng	VD-22591-15	Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai/Túi	1.900	8.400	15.960.000	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỆN MAI
43	Divaser-F	Betahistin.2HCl	16mg	Uống	Viên nén dài	Hộp 4 vi x 7 viên	Nhiệm 2	36 tháng	VD-20359-13	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	130.000	499	64.870.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GBKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên Nhà thầu
44	Jewell	Mirazapine	30mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vi x 7 viên; hộp 6 vi x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	VD-28466-17	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	Viên	52.000	1.533	79.716.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
45	Thuốc mỡ Tacropic	Tacrolimus	10mg/10g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp x 10g	Nhóm 4	36 tháng	VD-20364-13	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	Tuýp	520	65.000	33.800.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
46	Tacropic 0,03%	Mỗi tuýp (10 g) chứa: Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrat)	0,03%	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp 10g	Nhóm 4	36 tháng	VD-32813-19	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	Tuýp	190	47.000	8.930.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
47	Glikanin	N-acetyl-dl-leucin	500mg	Uống	Viên nén	Hộp 50 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-22909-15	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	13.000	340	4.420.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
48	Katrypsin	Alpha chymotrypsin	21 microkatal	Uống	Viên nén	Hộp 15 vi x 10 viên	Nhóm 4	24 tháng	893110347723	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	52.000	112	5.824.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
49	Amitriptylin	Amitriptylin hydrochlorid	25mg	Uống	Viên nén	Chai 500 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110156324	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	455.000	165	75.075.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
50	Kavadin 5	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat)	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-20761-14	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	9.100	110	1.001.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
51	Atorvastatin 10	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium)	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-21312-14	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	39.000	100	3.900.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
52	Celecoxib	Celecoxib	200mg	Uống	Viên nang cứng	Chai 500 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110810324 (VD-33466-19)	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	6.500	343	2.229.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
53	Chlorpheniramin 4mg	Chlorpheniramine maleat	4mg	Uống	Viên nén	Chai 1000 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34186-20	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	78.000	27	2.106.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
54	Gabapentin	Gabapentin	300mg	Uống	Viên nang cứng	Chai 1000 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-22908-15	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	52.000	355	18.460.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
55	Levosulpirid 50	Levosulpirid	50mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34694-20	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	26.000	1.305	33.930.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
56	Kagadine	Omeprazol (dưới dạng Omeprazol pellet 8,9%)	20mg	Uống	Viên nang cứng	Chai 1000 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-33461-19	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	26.000	160	4.160.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
57	Trihexyphenidyl	Trihexyphenidyl hydrochlorid	2mg	Uống	Viên nén	Chai 500 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110539224 (VD-30410-18)	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	260.000	138	35.880.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
58	Vitamin C 250	Acid Ascorbic	250mg	Uống	Viên nang cứng	Chai 200 viên	Nhóm 4	24 tháng	VD-35019-21	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	1.300	135	175.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
59	Stacalazide 80	Gliclazid	80mg	uống	viên nén	Hộp 6 vi x 10 viên	Nhóm 3	36 tháng	VD-35321-21	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	viên	2.600	1.827	4.750.200	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY
60	Lidocain 40mg/ 2ml	Lidocain hydrochlorid	40mg/ 2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 100 ống 2ml	Nhóm 4	36 tháng	VD-23600-15	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Ống	1.900	525	997.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN
61	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	0,9%; 10ml	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Dung dịch nhỏ mắt, mũi	Hộp 20 lo 10ml	Nhóm 4	24 tháng	VD-22949-15	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Lọ	3.900	1.365	5.323.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN
62	Vinpocetin 10mg	Vinpocetin	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	24 tháng	VD-33497-19	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Viên	13.000	935	12.155.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN
63	Bilatrab	Bilastine	20mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110242824	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Việt Nam	Viên	10.400	3.400	35.360.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGỌC VIỆT
64	Conazonin	Itraconazol (dưới dạng vi hạt chứa Itraconazol 22%)	100mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 chai 30 viên; hộp 10 vi x 10 viên; hộp 1 vi x 4 viên	4	36 tháng	VD-26979-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	Viên	32.500	2.790	90.675.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT QUỐC
65	Sertramab 100mg	Sertralín	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-36032-22	Công ty cổ phần và dược phẩm Y tế	Việt Nam	Viên	390.000	2.205	859.950.000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC PHẨM NHƯ TÂM
66	Betamethason	Betamethason dipropionat	Mỗi 30g chứa: Betamethason dipropionat 19,2mg	Dùng ngoài	Gel bôi da	Hộp 1 tuýp 30 gam	Nhóm 4	60 tháng	893110654524 (VD-28278-17)	Công ty Cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	Tuýp	1.300	27.500	27.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG HÒA
66	Felliani	Acitretin	25mg	Uống	Viên nang	Hộp 3 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-28983-18	Công ty CP DP Me Di Sun	Việt Nam	Viên	900	17.000	15.300.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚC LONG
67	Isotisan 10	Isotretinoin 10 mg	10 mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 3 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-26881-17	Công ty CP DP Me Di Sun	Việt Nam	Viên	19.500	2.380	46.410.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚC LONG
68	Vinocyclin 50	Minocyclin (dưới dạng minocyclin hydrochlorid)	50mg	Uống	Viên nang	Hộp 3 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-29820-18	Công ty CP DP Me Di Sun	Việt Nam	Viên	7.800	7.500	58.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚC LONG
69	Tenafine cream	Terbinafine hydrochloride	150mg/15g	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp 15g	Nhóm 2	36 tháng	VN-21848-19	Dae Hwa Pharmaceutical Co, Ltd	Hàn Quốc	Tuýp	1.300	68.000	88.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚC LONG

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên Nhà thầu
70	Letrofam	Vimopocetin	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 30 viên	Nhóm 1	48 tháng	VN-21201-18	UAB Aconitum	Litva (Lithuania)	Viên	19.500	2.835	55.282.500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ODU
71	SaVi Losartan 50	Losartan	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	36 tháng	893110318024 (VD-29122-18)	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	26.000	1.150	29.900.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVA
72	SaVi Trimetazidine 35MR	Trimetazidin	35mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	36 tháng	893110543124 (VD-32875-19)	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	9.000	420	3.780.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVA
73	Corsidic H	Fusidic acid 20mg/g + hydrocortison acetate 10mg/g	2%+1%/10g	Dùng ngoài	Thuốc kem	Hộp 1 tuýp 10g	Nhóm 4	36 tháng	VD-36078-22	Công ty TNHH Dược phẩm Shinspoong Daewoo	Việt Nam	Tuýp	1.900	51.450	97.755.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWOO
74	Ebarsun	Ivermectin	6mg	Uống	Viên nén	Hộp 02 vỉ x 2 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-33869-19	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Việt Nam	Viên	650	14.142	9.192.300	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SUN RISE
75	Crodrix	Rupatadine	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34915-20	Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Việt Nam	Viên	13.000	3.481	45.253.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SUN RISE
76	Tradalen	Adapalen	15mg(0,1%)/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Hộp 1 tuýp 15g	Nhóm 4	36 tháng	893110913024 (VD-33081-19)	Công Ty Cổ Phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Tuýp	1.300	52.450	68.185.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂY SƠN
77	Prednisolone 5mg	Prednisolone	5mg	Uống	Viên nén	Chai 500 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110374323 (VD-24887-16)	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	39.000	88	3.432.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
78	Propranolol	Propranolol.HCl	40mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110045423 (VD-21392-14)	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	2.600	600	1.560.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
79	Magnesi B6	Magnesi lactat dihydrat + Pyridoxin HCl	470mg + 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 50 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893100322824 (VD-28004-17)	Công ty cổ phần dược S Pharm	Việt Nam	Viên	600	120	72.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
80	Tralop 0,05%	Clobetasol propionat	0,05%/10g	Thuốc dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp x 10 gam	Nhóm 4	36 tháng	893110166523	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma	Việt Nam	Tuýp	1.300	8.300	10.790.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - THÁI
81	Bivixfen 180	Fexofenadin	180mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893100255324	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma	Việt Nam	Viên	1.300	580	580.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - THÁI
	Levozin 5	Levocetirizin	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Chai 100 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-36074-22	Công ty TNHH Dược phẩm BV pharma	Việt Nam	Viên	45.500	140	6.370.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - THÁI
82	Collamino 400	Piracetam	400mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110224323	Công ty TNHH Dược phẩm BV pharma	Việt Nam	Viên	58.500	238	13.923.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - THÁI
83	Hapiazide 5	Glipizid	5mg	Uống	viên nén	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110238324	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	Viên	2.600	2.499	6.497.400	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC
84	Tazeurin 30	Mirrazapin	30mg	Uống	viên nén bao phim	Hộp 02 vỉ, 05 vỉ, 10 vỉ x 14 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110461624 (VD-32422-19)	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	Viên	78.000	798	62.244.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC
85	Premilin 75mg	Pregabalin	75mg	Uống	viên nang cứng	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên, vỉ bấm Al - PVC	Nhóm 3	36 tháng	893110192024 (VD-25975-16)	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	1.300	5.245	6.818.500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC
86	Grandaxin	Tofisopam	50mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	VN-15893-12	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Viên	7.800	8.000	62.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ
87	Erylik	Erythromycin + Tretinoiin	4% + 0,025%	Bôi ngoài da	Gel bôi ngoài da	Hộp 1 ống nhôm 30g	Nhóm 1	24 tháng	VN-10603-10	Laboratoires Chemineau	Pháp	Ống	450	113.000	50.850.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ
88	Liverbil	Actiso, Rau đắng đất, Bìm bìm biếc, Diệp hạ châu	400mg; 400mg; 400mg; 400mg	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	36 tháng	VD-23617-15	Chi nhánh công ty cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	Viên	195.000	840	163.800.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	



PHỤ LỤC 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên đơn vị cung cấp
Số:.....
V/v xác định giá

Kính gửi: Quý bệnh viện

Căn cứ thông báo số /TB-BVCK27/2 ngày 12/8/2025 của Bệnh viện chuyên khoa 27 tháng 2 tỉnh Sóc Trăng về việc xác định giá các mặt hàng mua sắm trực tiếp tại bệnh viện

Bảng công văn này, tên đơn vị cung cấp đồng ý tham gia gói thầu theo đề nghị của Bệnh viện như sau:

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của đơn vị

(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)